TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **36** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-03-2023
V/v: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Lê Thị Kim Xuyến

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 632/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Võ Ngọc C**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2022, bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2023, biên bản ghi nhận ý kiến đương sự ngày 27/12/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Nguyễn Thị Kim O trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh C tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh C ham mê cờ bạc, chơi bời thường xuyên nhậu nhẹt lúc say xỉn thì thường xuyên đập phá đồ đạc, về

nhà quậy phá, đòi đâm chém vợ con. Chị O thường xuyên phải trả các khoản nợ cho anh C. Chị O đã cố gắng khuyên anh C thay đổi và cho anh thời gian để sửa đổi nhưng không có kết quả. Nay Chị O nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 02 con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Ngọc T, sinh ngày 20/4/2021. Chị O yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và tạm thời chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Vì bận công việc ở xa không thể đến tham gia phiên tòa nên chị O có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Võ Ngọc C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị O là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận cho Chị O được ly hôn với anh C. Về con chung: Có 02 con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Ngọc T, sinh ngày 20/4/2021, đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho Chị O trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị O phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim O có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Võ Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim O xin ly hôn với anh Võ Ngọc C. Anh C hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim O, bị đơn là anh Võ Ngọc C.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Võ Ngọc C chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04/6/2012 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của Chị O tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2022, bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2023 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Chị O yêu cầu được ly hôn với anh C do anh C ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình, Chị O thường xuyên phải trả nợ cho anh C khiến cuộc sống vợ chồng vô cùng mệt mỏi và áp lực. Về phía anh C được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C liên tục vắng mặt thể hiện việc anh C không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa hị O và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3.2. Về con chung: Chị O và anh C trong quá trình chung sống có 02 con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Ngọc T, sinh ngày 20/4/2021. Chị O yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và tạm thời không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy rằng, cháu H, cháu T (T dưới 36 tháng tuổi) còn nhỏ và đều là con gái nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc từ mẹ để các con phát triển toàn diện về mọi mặt cũng như ổn định về tâm sinh lý. Hơn nữa cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ (Chị O). Do vậy, xét đề nghị của chị O là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

3.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết

3.4. Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[4]. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim O về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Võ Ngọc C.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với anh Võ Ngọc C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Võ Ngọc H, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Ngọc T, sinh ngày 20/4/2021 cho chị Nguyễn Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Võ Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Ngọc C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim O phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị O đã nộp theo biên lai thu số 0009520 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị O đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Tiến Nghĩa